

TỔNG QUAN

CPI tháng 10/2023 tăng nhẹ so với tháng 9, có thể cho rằng, lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát.

Theo số liệu được Tổng cục Thống kê công bố ngày 29/10, chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 10/2023 tăng nhẹ 0,08% so với tháng trước, nguyên nhân chính do một số địa phương thực hiện tăng học phí, giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu. So với tháng 12/2022, CPI tháng 10 tăng 3,2% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,59%. Bình quân 10 tháng năm 2023, CPI tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước.

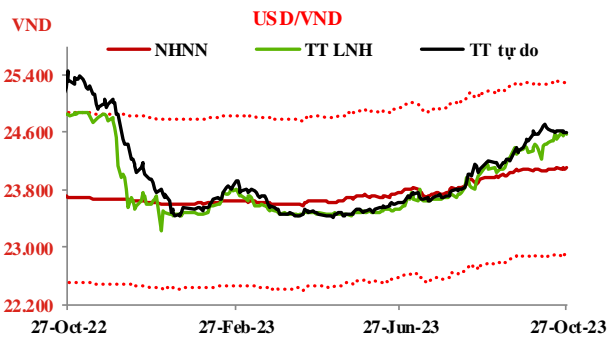
Theo Tổng cục Thống kê, trong mức tăng 0,08% của CPI tháng 10/2023 so với tháng trước, có 9 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, 2 nhóm hàng có chỉ số giá giảm. Trong 9 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá, nhóm giáo dục tăng cao nhất với 2,25%, làm CPI chung tăng 0,14 đpt. Trong đó, giá dịch vụ giáo dục tăng 2,54% do một số địa phương thực hiện tăng học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và một số trường đại học, cao đẳng công lập, dân lập, tư thục cũng tăng học phí năm học 2023-2024 để bảo đảm chi thường xuyên. Tiếp theo là nhóm nhà ở và VLXD tăng 0,27%, làm CPI chung tăng 0,05 đpt do giá gas tăng 4,72%; giá nước sinh hoạt tăng 0,48%; giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,29%. Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,21%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,15% do giá nguyên liệu sản xuất đồ uống và tỷ giá đô la Mỹ tăng; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,12% do chi phí nhân công và nhu cầu mua sắm quần áo mùa đông tăng; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,06%, trong đó: lương thực tăng 0,9%; thực phẩm giảm 0,14%; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,21%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,03%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,02%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,02%. Hai nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm gồm: nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,11%; nhóm giao thông giảm 1,51%, làm CPI chung giảm 0,15 đpt.

Cũng theo Tổng cục Thống kê, lạm phát cơ bản tháng 10/2023 tăng 0,09% so với tháng trước, tăng 3,43% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 10 tháng năm 2023, lạm phát cơ bản tăng 4,38% so với cùng kỳ năm 2022, cao hơn mức tăng CPI bình quân chung (tăng 3,2%). Nguyên nhân chủ yếu do bình quân giá xăng dầu trong nước 10 tháng năm 2023 giảm 13,24% so với cùng kỳ năm trước, giá gas giảm 8,55%, là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng của CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Trên cơ sở số liệu CPI thực tế, Tổng cục thống kê dự báo CPI bình quân trong khoảng 3,3 - 3,6%. NHNN cũng dự báo lạm phát bình quân năm 2023 tăng ở mức 3,4% (cộng trừ 0,3%); Bộ Tài chính dự báo CPI bình quân năm 2023 tăng trong khoảng 3,2 - 3,6%. Hầu hết các chuyên gia cũng đều cho rằng, nếu không có gì quá đột biến, mục tiêu lạm phát 4,5% có thể được hoàn thành, thậm chí thấp hơn dưới 4%. Tuy nhiên, các chuyên gia cũng chỉ ra những thách thức, rủi ro, bao gồm giá dầu tăng liên tục khi cuộc xung đột giữa Hamas với Israel đang diễn ra; xu hướng tăng giá vẫn cao trên thị trường xây dựng; biến động giá lương thực vẫn khó lường, ...

Tựu trung, các ý kiến cơ bản thống nhất rằng vẫn còn dư địa để điều hành giá trong năm 2023. Tuy nhiên, việc điều chỉnh giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý có khả năng tác động đáng kể đến CPI năm 2023, nên các bộ, ngành cần tiếp tục kiểm soát chặt chẽ, đánh giá tác động cụ thể trước mỗi quyết định điều chỉnh giá các mặt hàng thuộc lĩnh vực mình quản lý để đảm bảo mục tiêu điều hành CPI chung trong năm 2023.

Thị trường ngoại tệ



Trong tuần từ 23/10 – 27/10, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng – giảm đan xen qua các phiên. Chốt ngày 27/10, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.107 VND/USD, giảm nhẹ 03 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. NHNN tiếp tục niêm yết tỷ giá mua giao ngay ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay phiên cuối tuần được niêm yết ở mức 25.262 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá.

Tỷ giá LNH cũng tăng giảm luân phiên trong tuần qua. Kết thúc phiên 27/10, tỷ giá LNH đóng cửa tại 24.575 VND/USD, tiếp tục tăng 50 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Tỷ giá trên thị trường tự do vẫn ít biến động trong tuần qua. Chốt phiên 27/10, tỷ giá tự do chiều mua vào đi ngang trong khi tăng 30 đồng ở chiều bán ra so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch tại 24.550 VND/USD và 24.630 VND/USD.

Thị trường tiền tệ liên ngân hàng

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	W/W	USD	W/W	Kỳ hạn	Lợi suất	W/W
ON	1.36	-0.19	5.10	0.05	3Y	1.78	-0.022
1W	1.68	-0.02	5.21	0.05	5Y	1.75	-0.015
2W	1.94	0.11	5.31	0.07	7Y	2.66	-0.045
1M	2.60	0.57	5.40	0.06	10Y	2.89	-0.164
2M	3.12	0.04	5.49	0.04	15Y	3.12	-0.149
3M	3.42	-0.03	5.59	0.04			
6M	4.92	0.04	5.64	0.03			
9M	5.93	-0.05	5.75	0.02			
1Y	6.18	-0.10	5.75	-0.06			

Tuần từ 23/10 – 27/10, lãi suất VND LNH giảm ở kỳ hạn ngắn trong khi tăng ở các kỳ hạn 2W và 1M. Chốt ngày 27/10, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 1,36% (-0,19 đpt); 1W 1,68% (-0,02 đpt); 2W 1,94% (+0,11 đpt); 1M 2,60% (+0,57 đpt).

Lãi suất USD LNH biến động theo xu hướng tăng ở tất cả các kỳ hạn. Phiên cuối tuần 27/10, lãi suất USD LNH đóng cửa ở mức: ON 5,10% (+0,05 đpt); 1W 5,21% (+0,05 đpt); 2W 5,31% (+0,07 đpt) và 1M 5,40% (+0,06 đpt).

Thị trường mở

Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNHNN từ 23/10 đến 27/10/2023

Đơn vị: Tỷ đồng	KL chào thầu	KL trúng thầu	KL đảo hạn	Ròng	KL lưu hành
Nghiệp vụ cầm cố	5,000	-	-	-	0,00
Nghiệp vụ mua bán tín phiếu NHNN	0	25,549,90	73,799,80	48,249,90	193,349,00
Tổng cộng				48,249,90	

* NHNN bơm, hút ròng, trong đó dấu "+" là bơm ròng; dấu "-" là hút ròng

Trên thị trường mở tuần từ 23/10 – 27/10, trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 5.000 tỷ VND, lãi suất ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố.

NHNN tiếp tục chào thầu tín phiếu NHNN với kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 25.549,9 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu, lãi suất phiên thứ Sáu ở mức 1,45% (không đổi so với cuối tuần trước đó). Có 73.799,8 tỷ đồng tín phiếu đảo hạn. Như vậy, NHNN bơm ròng 48.249,9 tỷ đồng ra thị trường, đưa khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường xuống 193.349 tỷ đồng.

Thị trường trái phiếu chính phủ:

Giao dịch trên thị trường sơ cấp:

Ngày 23/10, Ngân hàng CSXH chào thầu 2.000 tỷ đồng TPCPBL, khối lượng trúng thầu là 1.000 tỷ đồng, tương đương 50%. Trong đó, kỳ hạn 5Y trúng thầu toàn bộ 1.000 tỷ đồng chào thầu với lãi suất 2,5% (không đổi so với tuần trước). Kỳ hạn 10Y và 15Y chào thầu 500 tỷ đồng mỗi kỳ hạn, tuy nhiên không có khối lượng trúng thầu ở cả hai kỳ hạn này.

Ngày 25/10, KBNN chào thầu 6.500 tỷ đồng TPCP, khối lượng trúng thầu là 5.450 tỷ đồng, tương đương 84%. Trong đó, kỳ hạn 5Y huy động được 1.450 tỷ trong 1.500 tỷ đồng chào thầu; kỳ hạn 10Y huy động được toàn bộ 3.000 tỷ đồng và kỳ hạn 15Y huy động được 1.000 tỷ đồng/2.000 tỷ đồng chào thầu. Lãi suất trúng thầu các kỳ hạn lần lượt tại 5Y 1,62% (-0,03 đpt), 10Y 2,42% (+0,02 đpt), 15Y 2,65% (+0,02 đpt).

Trong tuần này, ngày 01/11, KBNN chào thầu 5.000 tỷ đồng TPCP, trong đó kỳ hạn 5Y chào thầu 1.500 tỷ, kỳ hạn 10Y chào thầu 2.000 tỷ và 15Y chào thầu 1.500 tỷ đồng.

Thị trường TPCP sơ cấp

Đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi	Tỷ lệ trúng thầu	Tỷ lệ đặt thầu	Số TV tham gia
VBSP	23-Oct-23	5	1000	1000	2.50%	0.00%	100%	2.00	2.00
VBSP	23-Oct-23	10	500	0	0.00%	0.00%	0%	2.00	2.00
VBSP	23-Oct-23	15	500	0	0.00%	0.00%	0%	1.00	1.00
MOF	25-Oct-23	5	1500	1450	1.62%	-0.03%	97%	1.89	5.00
MOF	25-Oct-23	10	3000	3000	2.42%	0.02%	100%	2.01	11.00
MOF	25-Oct-23	15	2000	1000	2.65%	0.02%	50%	1.23	4.00
Tổng			8500	6450			76%	0.41	

Giao dịch trên thị trường thứ cấp: Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua đạt trung bình 5.012 tỷ đồng/phiên, giảm so với mức 6.745 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó.

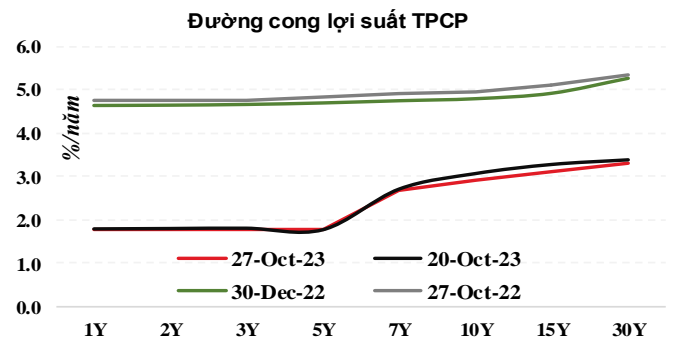
Thống kê giao dịch Outright						Thống kê giao dịch Repos					
Ngày	< 2 năm	2 - 5 năm	5 - 10 năm	> 10 năm	Tổng	Ngày	< 31 ngày	31 - 60 ngày	60 - 92 ngày	> 92 ngày	Tổng
24/Oct/23	20	300	341	1,565	2,225	23/Oct/23	133	-	-	-	133
25/Oct/23	-	465	827	1,952	3,244	24/Oct/23	359	-	-	-	359
26/Oct/23	-	300	1,987	2,910	5,197	25/Oct/23	1,888	-	-	-	1,888
27/Oct/23	208	1,101	2,930	2,414	6,653	26/Oct/23	-	83	-	-	83
					-	27/Oct/23	457	175	-	-	632
Tổng	228	2,165	6,085	8,841	17,320	Tổng	2,838	258	-	-	3,096
+_WoW	(418)	476	2,162	(5,334)	(3,114)	+_WoW	(1,738)	208			(1,530)
% WoW	-65%	28%	55%	-38%	-15%	% WoW	-38%	418%			-33%
Tỷ trọng	1%	13%	35%	51%	100%	Tỷ trọng	92%	8%	0%	0%	100%

Đvt: Tỷ đồng

Đvt: Tỷ đồng

Lợi suất TPCP trong tuần qua giảm ở tất cả các kỳ hạn. Chốt phiên 27/10, lợi suất TPCP giao dịch quanh 1Y 1,77% (-0,02 đpt); 2Y 1,79% (-0,01 đpt); 3Y 1,78% (-0,02 đpt); 5Y 1,75% (-0,01 đpt); 7Y 2,66% (-0,05 đpt); 10Y 2,89% (-0,16 đpt); 15Y 3,12% (-0,15 đpt); 30Y 3,31% (-0,06 đpt).

Diễn biến lợi suất trên thị trường thứ cấp								
%/năm	1Y	2Y	3Y	5Y	7Y	10Y	15Y	30Y
27-Oct-23	1.77	1.79	1.78	1.75	2.66	2.89	3.12	3.31
So WoW	-0.02	-0.01	-0.02	-0.01	-0.05	-0.16	-0.15	-0.06
So YoY	-2.99	-2.97	-2.98	-3.08	-2.26	-2.06	-1.98	-2.04
So YTD	-2.88	-2.86	-2.89	-2.95	-2.10	-1.90	-1.80	-1.95

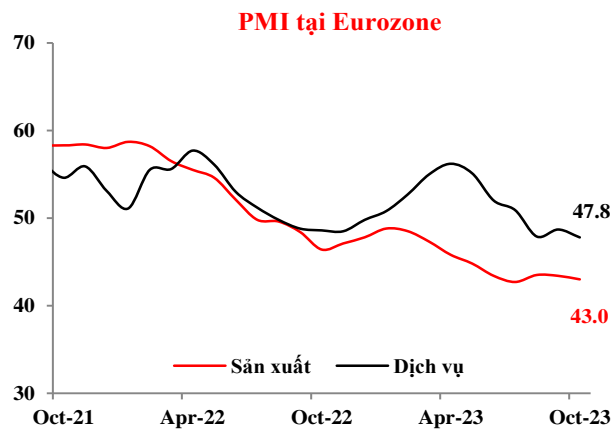
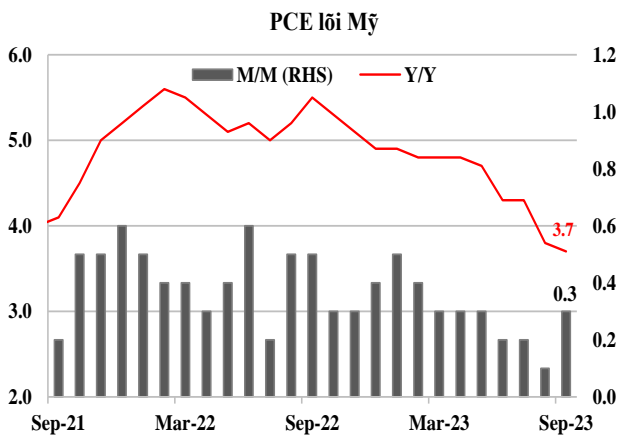
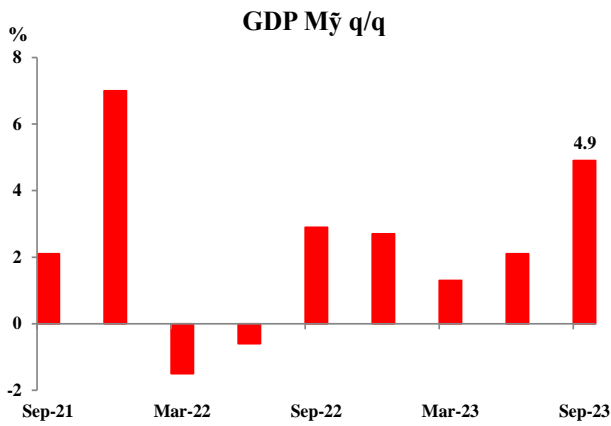


• Thị trường chứng khoán

27/10/23	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1060.62	218.04	83.10
thay đổi so với tuần trước	-4.28%	-4.56%	-2.94%
thay đổi so với đầu năm	5.32%	6.20%	15.98%
KLGD/phiên (tr.đ.v)	696.14	90.17	0.03
thay đổi so với tuần trước	-0.93%	33.31%	-99.97%
GTGD/phiên (tỷ đ)	14107.98	1656.94	0.0005
thay đổi so với tuần trước	-31.72%	-7.38%	-67.70%
ĐTNN mua/bán ròng (tỷ đ)	(1,285.85)	74.58	(0.001)

Tuần từ 23/10 – 27/10, thị trường chứng khoán giảm điểm rất mạnh. Chốt phiên 27/10, VN-Index đứng ở mức 1.060,62 điểm, rớt tới 47,41 điểm (-4,28%) so với cuối tuần trước đó; HNX-Index mất 10,41 điểm (-4,56%) về 218,04 điểm; UPCOM-Index giảm 2,52 điểm (-2,94%) còn 83,10 điểm.

Thanh khoản thị trường vẫn ở mức thấp với giá trị giao dịch trung bình gần 15.800 tỷ đồng/phiên, giảm nhẹ so với mức khoảng 17.600 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó. Khối ngoại tiếp tục bán ròng hơn 1.200 tỷ đồng trên cả 3 sàn.



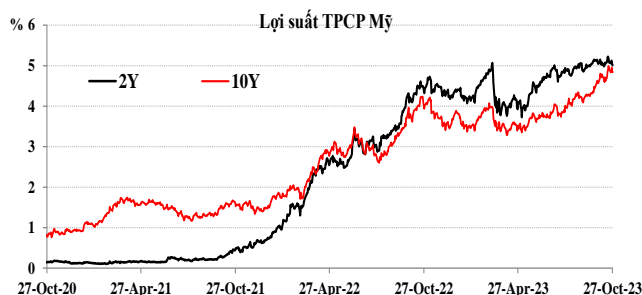
Nước Mỹ ghi nhận nhiều thông tin kinh tế quan trọng. Đầu tiên, Cơ quan Phân tích Kinh tế Mỹ BEA công bố GDP nước này tăng 4,9% q/q trong quý 3 sau khi tăng 2,1% ở quý trước đó, tích cực hơn mức tăng 4,5% theo dự báo. Đây là mức tăng theo quý lớn nhất kể từ sau quý 4/2021. Về lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng cá nhân PCE lõi tại Mỹ tăng 0,3% m/m trong tháng 9, nối tiếp đà tăng 0,1% của tháng 8 và khớp với dự báo của các chuyên gia. So với cùng kỳ năm 2022, PCE lõi tăng 3,7% y/y trong tháng 9, giảm tốc nhẹ so với mức tăng 3,8% của tháng 8. Tiếp theo, giá trị đơn đặt hàng hàng hóa lâu bền tại Mỹ tăng 4,7% m/m trong tháng 9 sau khi tăng chỉ 0,1% ở tháng 8, đồng thời vượt mạnh so với mức tăng 1,9% theo kỳ vọng. Tại thị trường lao động, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tuần kết thúc ngày 21/10 ở mức 210 nghìn đơn, tăng nhẹ từ 200 nghìn đơn của tuần trước đó và cao hơn một chút so mức 208 nghìn đơn theo dự báo. Cuối cùng, niềm tin tiêu dùng tại Mỹ do Đại học Michigan khảo sát được điều chỉnh lên mức 63,8 điểm trong tháng 10, tăng nhẹ so với 63,0 điểm theo kết quả sơ bộ. Trong tuần này, thị trường chờ đợi các quyết định của Fed về CSTT của Fed trong cuộc họp định kỳ ngày 01/11. LSCS của cơ quan này được dự báo ở khoảng 5,25% - 5,50%, không có sự thay đổi so với trước.

NHTW Châu Âu ECB lần đầu dừng tăng LSCS, bên cạnh đó Eurozone cũng đón một số thông tin kinh tế đáng chú ý. Trong cuộc họp ngày 26/10, ECB nhận định lạm phát vẫn ở mức cao trong thời gian dài và áp lực vẫn còn lớn. Tuy nhiên, các chỉ báo cũng đã cho thấy lạm phát giảm đáng kể trong tháng 9 vừa qua. Cơ quan này quyết định giữ LSCS đi ngang, không có sự thay đổi so với cuộc họp trước. Theo đó, LS tái cấp vốn, LS cho vay cận biên và LS tiền gửi của ECB lần lượt ở mức 4,5%, 4,75% và 4,0%. Đây là lần đầu tiên ECB dừng tăng LSCS sau 10 nhịp tăng liên tiếp, bắt đầu từ tháng 07/2022. ECB khẳng định sẽ đưa lạm phát về lại mục tiêu trung hạn 2,0% một cách kịp thời, LSCS đang ở mức mà nếu duy trì trong thời gian đủ dài sẽ đóng góp đáng kể cho mục tiêu kiểm soát lạm phát. Liên quan đến kinh tế Eurozone, PMI lĩnh vực sản xuất khu vực này ở mức 43,0 điểm trong tháng 10, giảm nhẹ từ mức 43,4 điểm của tháng 9 và trái với dự báo tăng lên 43,6 điểm. Bên cạnh đó, PMI lĩnh vực dịch vụ tại Eurozone tháng 10 giảm xuống còn 47,8 điểm, trái với kỳ vọng đi ngang ở mức 48,7 điểm của tháng 9. Tại Đức nói riêng, trong tháng 10, PMI sản xuất tăng lên 40,7 điểm từ 39,6 điểm và PMI dịch vụ giảm xuống 48,0 điểm từ 50,3 điểm của tháng 9. Chỉ số niềm tin kinh doanh tại Đức ở mức 86,9 điểm trong tháng 10, tăng lên từ mức 85,8 điểm của tháng 9 và đồng thời cao hơn so với mức 85,9 điểm theo dự báo.

Chứng khoán thế giới phân hóa trong tuần qua. Kết thúc phiên 27/10, chỉ số công nghiệp Dow Jones giảm 2,14%, DAX giảm nhẹ 0,75% và Shanghai tăng 1,16%. Thị trường chứng khoán Mỹ vẫn cho thấy sự lo ngại khi kinh tế của nước này tăng trưởng mạnh trong quý 3, khiến cho Fed có khả năng phải giữ LSCS ở mức cao lâu hơn so với dự tính trước đây. Mặc dù vậy, một số nhà đầu tư cũng cho rằng lạm phát đang tiếp đà hạ nhiệt và Fed vẫn có khả năng đạt được hạ cánh mềm trong tương lai.

<p>Dow Jones (Mỹ)</p> <p>↓</p> <p>32417.59 -2.14%</p>	<p>DAX (Đức)</p> <p>↓</p> <p>14687.41 -0.75%</p>	<p>Shanghai (Trung Quốc)</p> <p>↑</p> <p>3017.78 1.16%</p>
--	---	---

	27 Oct 23	Tuần (%)	Đầu năm (%)	Biến động 2022 (%)
USD index	106.56	0.37%	2.93%	7.87%
USD/CNY	7.32	0.02%	6.09%	8.58%
USD/EUR	0.95	0.27%	1.31%	6.22%
USD/JPY	149.60	-0.16%	14.10%	13.93%
USD/KRW	1354.91	0.43%	7.45%	6.14%
USD/SGD	1.37	-0.13%	2.27%	-0.68%
USD/TWD	32.46	0.41%	6.17%	10.34%
USD/THB	36.11	-0.96%	4.33%	4.15%
USD/VND Trung tâm	24107	-0.01%	2.10%	2.02%
USD/VND LNH	24575	0.20%	4.37%	3.29%
USD/VND tự do	24550	-0.08%	3.59%	1.06%
Vàng	2005.78	1.25%	9.94%	-0.22%
Dầu WTI	85.54	-3.62%	6.58%	6.71%



Giá vàng tăng, đóng cửa phiên ngày 27/10 ở mức 2.005,78 USD/oz, tương đương tăng 1,25% w/w. Kim loại quý này tăng tuần thứ 3 liên tiếp bất chấp sức mạnh của đồng USD được duy trì. Các chuyên gia dự báo nhiều khả năng giá vàng sẽ tiếp tục đi lên trong thời gian sắp tới, khi những xung đột tại Trung Đông đang là rủi ro đối với kinh tế thế giới. Bên cạnh đó, Fed được nhận định đang ở cuối pha tăng LSCS cũng khiến cho giới đầu tư cảm thấy tự tin hơn đối với vàng.

Giá dầu giảm trở lại trong tuần qua. Kết thúc phiên ngày thứ Sáu, giá dầu WTI ở mức 85,54 USD/thùng, tương đương giảm 3,62% w/w. Theo đánh giá của một số tổ chức, diễn biến hiện tại của Trung Đông chưa tác động trực tiếp đến các nguồn cung dầu mỏ. Diễn hình là Goldman Sachs vẫn giữ nguyên dự báo giá dầu WTI trong quý 1/2024 ở khoản 89 USD/thùng. Tuy nhiên, tổ chức này cũng có những cảnh báo rằng xuất khẩu của Iran giảm có thể khiến giá dầu tăng 5%.

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ email: Research@msb.com.vn